

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN BẮC BÌNH
TỈNH BÌNH THUẬN
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 09-7-2019

V/v: Tranh chấp Ly hôn
và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH
TỈNH BÌNH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán– Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Thu Huyền**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Hạnh**

2. Ông **Tạ Văn Việt**

-Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Hoàng Bảo Vân– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2019 tại T sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19/6/2019, đối với các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Xuân L, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khu phố LN, thị trấn LS, BB, Bình Thuận.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Xuân T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khu phố LN, thị trấn LS, BB, Bình Thuận.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ly hôn và lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay, chị Lê Thị Xuân L trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị L và anh Lê Xuân T tìm hiểu nhau một thời gian ngắn thì quyết định sống chung với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Liên Hương, huyện TP vào năm 2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại thị trấn LS, huyện Bắc Bình. Sống với nhau một thời gian thì cả hai cảm thấy không hạnh phúc do anh T có những mối quan hệ phức tạp với nhiều phụ nữ. Từ tháng 3/2018, chị L và anh T đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau. Nay, do vợ chồng không còn tình cảm và không thể hàn gắn được nên chị L yêu cầu giải quyết cho ly hôn với anh Lê Xuân T.

2. Về con chung: Chị L và anh T có 03 (ba) con chung tên Lê Phước T1, sinh ngày 20/6/2006; Lê Thị Trà M, sinh ngày 10/11/2008 và Lê Xuân Tuyết N, sinh ngày 26/7/2015. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi 03 (ba) con chung, không yêu cầu anh Lê Xuân T cấp dưỡng tiền nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Đối với bị đơn- anh Lê Xuân T, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt và niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh T cố tình không đến nên không thể lấy lời khai và tiến hành hòa giải được.

5. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, đề nghị tuyên xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Xuân L có đơn đề nghị giải quyết việc hôn nhân giữa chị L với anh Lê Xuân T, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, yêu cầu anh Lê Xuân T đến Tòa để lấy lời khai, hòa giải và thực hiện các thủ tục tố tụng khác nhưng anh T không chấp hành. Do đó, Tòa án không thể tiến hành hòa giải theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Lê Xuân T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng

vẫn cố tình vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay, chị Lê Thị Xuân L vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Lê Xuân T, yêu cầu được tiếp tục nuôi 03 (ba) con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Lê Thị Xuân L và anh Lê Xuân T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn LH, huyện TP nên hôn nhân giữa chị L và anh T là hôn nhân hợp pháp. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị L cùng các con chuyển đến nhà trọ ở, anh T biết việc này nhưng vẫn bỏ mặt, không có biện pháp để hàn gắn gia đình và không quan tâm chăm sóc các con chung, nên chị L thấy tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo cho anh T đến giải quyết nhưng anh T không chấp hành, điều này chứng tỏ anh T không có thiện chí và không có mong muốn hàn gắn để gia đình đoàn tụ. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh T không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị Xuân L và anh Lê Xuân T có 03 (ba) con chung tên Lê Phước T1, sinh ngày 20/6/2006; Lê Thị Trà M, sinh ngày 10/11/2008 và Lê Xuân Tuyết N, sinh ngày 26/7/2015, các con chung đang được chị Lê Thị Xuân L trực tiếp nuôi dưỡng và các cháu có nguyện vọng sẽ được ở cùng mẹ khi chị L và anh T ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ giao 03 (ba) con chung của chị L và anh T cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Vì chị L không yêu cầu anh Lê Xuân T cấp dưỡng tiền nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét việc đóng góp phí tổn để nuôi con chung của anh Lê Xuân T.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Lê Thị Xuân L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a, Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Xuân L với anh Lê Xuân T. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 44/2006, ngày 24 tháng 3 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thị trấn LH, huyện TP hết hiệu lực kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao 03 (ba) con chung là Lê Phước T1, sinh ngày 20/6/2006; Lê Thị Trà M, sinh ngày 10/11/2008 và Lê Xuân Tuyết N, sinh ngày 27/6/2015 cho chị Lê Thị Xuân L tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Lê Xuân T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Xuân L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí DSST, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0016116 ngày 08/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Bình.

4. Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Xuân L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/7/2019). Anh Lê Xuân T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Bắc Bình;
- Chi cục THADS huyện Bắc Bình;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- UBND T.T LH;
- Lưu: V.P, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Thu Huyền